

Phụ lục II

Danh mục thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm vật tư, y cụ, thiết bị y tế trong các dịch vụ Thẩm mỹ và khám bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Mắt Thanh Hóa năm 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

STT	Mã	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính	Thông số kĩ thuật	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
1. Danh mục vật tư y tế								
1	VT.1	Bàn chải	Cái	Kích thước 4 x 10cm, thân bàn chải cứng, đầu lông mềm. Đóng gói riêng lẻ.	20	38,000	760,000	
2	VT.2	Băng dính lụa	Cuộn	Kích thước 2.5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. Keo Zinc oxide, lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7.	300	24,500	7,350,000	
3	VT.3	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim cánh bướm	Bộ	Bộ dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23G, có bầu cao su tiếp thuốc. - Dây PVC nguyên sinh, chiều dài dây ≥ 1,8m. - Chịu được áp lực ≥ 3 bar. - Thiết kế bầu nhỏ giọt, thể tích bầu ≥ 8,5ml. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	300	5,200	1,560,000	
4	VT.4	Bông y tế hút nước	Kg	Thành phần: Bông hút nước từ 100% bông xơ tự nhiên (thành phần chính là Cellulose), không pha sợi polyester	200	120,000	24,000,000	

5	VT.5	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Cái	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	300	714	214,200	
6	VT.6	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Cái	Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	700	714	499,800	
7	VT.7	Cloramin B	Gam	Thành phần: Sodium Benzen sulfochloramin (Hàm lượng Clo hoạt tính $\geq 25\%$)	5000	170	850,000	
8	VT.8	Cồn sát trùng 90 độ	ml	Cồn y tế 90 độ. Quy cách 30 lít/can	500000	31	15,500,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

9	VT.9	Chế phẩm sát khuẩn tay nhanh dùng trong gia dụng và y tế	ml	Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 75% (v/v); Isopropyl alcohol 8% (v/v) và các chất phụ gia khác vừa đủ 100%; Chỉ định: Sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	20000	84	1,680,000	
10	VT.10	Chế phẩm sát khuẩn tay và tắm sát khuẩn thường quy dùng trong y tế	ml	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da vừa đủ 100%.	15000	98	1,470,000	
11	VT.11	Chỉ PT nylon 7.0	Sợi	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon số 7-0 màu đen, dài 45cm. -Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 8mm, đường kính kim 0.28mm, độ cong 3/8. -Kim làm bằng thép cứng bó sợi không gỉ được phủ silicon, đuôi kim được tạo lỗ đột bằng công nghệ laser. -Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA, CE	240	166,000	39,840,000	

12	VT.12	Chỉ PT vicryl 6.0	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi, số 6/0: - Sợi chỉ bằng polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 và 50% calcium stearate, dài 45cm - Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép ethalloy chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone 3 lớp, thân kim đẹp, có rãnh dọc bên trong và ngoài thân kim. - Đường kính kim: $0.3\text{ mm} \leq \text{Đường kính kim} \leq 0.4\text{mm}$, giảm chảy máu chân kim - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO.	240	141,663	33,999,120	
13	VT.13	Chỉ PT Vicryl 7.0	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi, số 7/0 - Sợi chỉ tổng hợp từ polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 và 50% calcium stearate, dài 30cm - 2 kim đầu hình thang, dài 6.5mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim thép ethalloy chứa niken, titanium, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone 3 lớp, thân kim đẹp và vùng kẹp kim phẳng. - Đường kính kim $0.25\text{mm} \pm 5\%$. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 40% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn: CFG-FDA, CE, ISO	60	207,113	12,426,780	

14	VT.14	Gạc phẫu thuật	Miếng	Gạc được sản xuất tối thiểu từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, chất liệu mềm mịn, có màu trắng đồng nhất. - Không mùi, không có bụi bẩn, sợi sợi lạ, không dính tạp chất. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Độ ẩm: $<8\%$. Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$ - Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. - Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Kích thước: $7,5\text{cm} \times 7,5\text{cm} \times 6$ lớp vô trùng. - Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. - Tiệt trùng bằng khí EO	5000	450	2,250,000	
15	VT.15	Găng tay khám latex, có bột	Đôi	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ. Găng tay sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính.	6000	1,500	9,000,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

16	VT.16	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số	Đôi	Găng tay được sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, có phủ bột. - Tiết trùng bằng khí EO. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền không rách, không lủng, có viền mép. độ co giãn và mềm mại cao. Dễ đeo găng. Độ bám dính vật dụng khi sử dụng găng cao. Thao tác thuận tiện dễ dàng. - Màu trắng tự nhiên	2000	3,100	6,200,000	
17	VT.17	Giấy đo khúc xạ tự động	Cuộn	Giấy in nhiệt CT100 dạng cuộn Kích thước 57mm x 30m x 45mm	10	9,125	91,250	
18	VT.18	Nhuộm Fluorescein	Que	Que nhuộm Fluorescein Sodium được chỉ định trong điều trị phát hiện các tổn thương giác mạc	4000	3,780	15,120,000	
19	VT.19	Kim tiêm 30G 13mm	Cái	Đầu kim tiêm 30G, Kích thước 13mm Tiêu chuẩn ISO Đảm bảo vô khuẩn từng cái riêng biệt	300	24,500	7,350,000	
20	VT.20	Khẩu trang y tế 3 lớp MPV	Cái	Khẩu trang 3 lớp bao gồm: - 2 lớp vải không dệt không thấm nước: 100% Polypropylene hoặc tương đương. - Giấy lọc (lớp giữa) - Dây đeo, gọng nhựa định hình - Đóng gói tiết trùng □	7000	600	4,200,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

21	VT.21	Lưỡi dao phẫu thuật	Cái	Kích cỡ: 15 độ Chất liệu: thép y tế không gỉ cao cấp của Nhật Đđkt: lưỡi dao sắc, mảnh bằng thép y tế không gỉ của Nhật, dày 0.38mm, độ cứng 720HV, mũi dao có góc 27 độ chiều dài lưỡi/dao/độ rộng (mm) của dao số 15: 12/38/6, rãnh gài cán dao dài 18mm Đóng gói 1c/gói bọc vỏ nhôm, vô trùng bằng tia Gamma. TCCL: ISO	200	4,620	924,000	
22	VT.22	Lưỡi dao phẫu thuật	Cái	Kích cỡ: 11 độ Chất liệu: thép y tế không gỉ cao cấp của Nhật Đđkt: lưỡi dao sắc, mảnh bằng thép y tế không gỉ của Nhật, dày 0.38mm, độ cứng 720HV, mũi dao số 10 có góc 27 độ, số 11 có góc 22 độ; chiều dài lưỡi/dao/độ rộng (mm) của dao số 10: 27/40/7; số 11: 23/41/6; rãnh gài cán dao dài 18mm. Đóng gói 1c/gói bọc vỏ nhôm, vô trùng bằng tia Gamma. TCCL: ISO	200	4,620	924,000	
23	VT.23	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	- Nguyên liệu: Gạc không dệt, không hút nước, màu xanh.	1000	800	800,000	
24	VT.24	Tăm bông vô khuẩn	Cái	Tăm dài $\geq 15\text{cm}$, đầu quần bông.	200	1,600	320,000	
Tổng						187,329,150		

2. Danh mục y cụ

1	YC.1	Bồ cào 4 răng	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Bồ cào 4 răng tù, chất lượng thép không gỉ, kích thước chiều dài $140\text{mm} \pm 10\%$	2	1,115,000	2,230,000	
---	------	---------------	-----	--	---	-----------	-----------	--

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

2	YC.2	Bồ cào 2 răng	Cái	Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Bồ cào 2 răng , chất lượng thép không gỉ, kích thước chiều dài 140mm ± 10%	2	2,625,000	5,250,000	
3	YC.3	Compa	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Dụng cụ đánh dấu phẫu thuật compa dùng trong phẫu thuật mắt bằng thép không gỉ, khoảng đo 0 -20mm	3	2,835,000	8,505,000	
4	YC.4	Kéo cong	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. Kéo cong, lưỡi nhọn Chất liệu thép không gỉ Hấp dùng nhiều lần Chiều dài: 10cm - 11,5 cm Xuất xứ : EU hoặc G7	2	2,125,200	4,250,400	
5	YC.5	Kéo thẳng	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kéo thẳng, lưỡi nhọn - Hấp dùng nhiều lần - Chiều dài: 115mm - Xuất xứ: EU hoặc G7	2	2,052,750	4,105,500	
6	YC.6	Kẹp cầm máu	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Thẳng hoặc cong, hàm có xẻ rãnh; Chất liệu: thép không gỉ; Độ dài tổng: 90 mm-100mm. ☐	2	3,150,000	6,300,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

7	YC.7	Kìm mang kim trung phần	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kìm hàm cong 1,0*11mm - Chiều dài: 140mm -152mm - Chất liệu: Thép không gỉ - Hấp dùng nhiều lần. - Tay cầm: không khoá - Xuất xứ: EU	2	9,949,800	19,899,600	
8	YC.8	Kìm mang kim vi phần	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kìm hàm cong 1,0*10mm: - Chiều dài: 130mm - Chất liệu: Thép không gỉ - Hấp dùng nhiều lần. - Tay cầm: không khoá - Xuất xứ: EU hoặc G7	2	10,770,900	21,541,800	
9	YC.9	Khay quả đậu	Cái	- Khay hình hạt đậu, chất liệu inox304 - Kích thước 2cm x 21cm x 14cm	1	100,000	100,000	
10	YC.10	Cốc inox đựng bông cùn	Cái	- cốc bằng inox 304 có nắp đậy - Đường kính 9mm	4	100,000	400,000	
11	YC.11	Panh kẹp không mẫu	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Panh kẹp không mẫu: - Đầu có răng cưa, Tay cầm dạng phẳng - Dài 100mm ± 10% - Chất liệu thép không gỉ	1	2,396,000	2,396,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

12	YC.12	Panh giác mạc thẳng	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Panh giác mạc thẳng: Đầu panh dài 5mm Tay cầm dạng tròn Răng 1x2, dài 0,12mm Dài 105mm Xuất xứ: G7	1	10,080,000	10,080,000	
13	YC.13	Panh kẹp cầm máu	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Panh kẹp cầm máu: Dài 90mm, đầu cong Đầu panh xẻ răng cưa Tay cầm dạng khuyên tròn Chất liệu thép không gỉ	1	1,890,000	1,890,000	
14	YC.14	Vành mi đơn cỡ 2	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Vành mi đơn cỡ 2: Dài 130 mm Cỡ 2 – đầu dài 15 mm Chất liệu: thép không gỉ. Xuất xứ G7	1	3,255,000	3,255,000	
15	YC.15	Móc cơ	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Móc cơ: Dài 135mm, đầu tip dài 2.0mm, đầu móc dài 9.5mm Đầu tip dạng bóng nước. Xuất xứ G7	1	2,835,000	2,835,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

16	YC.16	Móc lác cỡ 2	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Móc lác cỡ 2: Đầu móc dạng dẹt, dài 10.0mm Đầu tip dài 1.50mm Độ dài tổng: 140mm Đầu móc thép không gỉ, tay cầm titanium. Xuất xứ G7	1	2,835,000	2,835,000	
17	YC.17	Kìm kẹp kim Castroviejo	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kìm kẹp kim Castroviejo: Dài 138 mm, Đầu kẹp cong, Không khoá. Xuất xứ G7	1	8,085,000	8,085,000	
18	YC.18	Panh cố định Moody trái	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Panh cố định Moody trái: Mẫu 0.5, trái, có khóa Tổng chiều dài 105 mm Chất liệu: thép không gỉ Xuất xứ G7	1	6,090,000	6,090,000	
19	YC.19	Panh cố định Moody phải	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Panh cố định Moody phải: Mẫu 0.5, phải, có khóa Tổng chiều dài 105 mm Chất liệu: thép không gỉ Xuất xứ G7	1	6,510,000	6,510,000	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 08 năm 2026 của tổ Đấu thầu mua vật tư)

20	YC.20	Vành mi thái dương Lieberman	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Vành mi thái dương Lieberman Má dây chữ K, 15mm Chiều dài: 82mm Chất liệu: Thép không gỉ -Xuất xứ G7	1	6,615,000	6,615,000	
21	YC.21	Pank có máu	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kẹp có máu 1*2 hoặc 1*1: Chiều dài: 110mm - 120mm Tay cầm dẹt Chất liệu: Thép không gỉ Hấp dùng nhiều lần Xuất xứ: EU hoặc G7	2	3,127,425	6,254,850	
22	YC.22	Pank không máu	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kẹp không máu: Chiều dài: 110mm - 111mm Tay cầm dẹt Chất liệu: Thép không gỉ Hấp dùng nhiều lần Xuất xứ: EU hoặc G7	2	8,959,650	17,919,300	
23	YC.23	Panh giác mạc	Cái	- Yêu cầu chung: Y dụng cụ mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Kẹp giác mạc thẳng: Lưỡi thẳng, răng: 0,12mm Chiều dài: 75mm Tay cầm dẹt, hình răng cưa Chất liệu: Thép không gỉ Hấp dùng nhiều lần. Xuất xứ: EU hoặc G7	2	14,731,500	29,463,000	
24	YC.24	Tay dao cắt đốt đơn cực	Cái	Phù hợp với dao mổ điện cao tần	2	200,000	400,000	

				Yêu cầu chung: - Chất lượng mới 100%. Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương Yêu cầu kỹ thuật: - Tần số siêu âm 37 kHz (dải điều khiển -2,5 / + 5,5 kHz) - Dung tích tối đa (I): 12,9 Lit - Dung tích hoạt động khuyến nghị Va (I): 10,0 Lit - 05 chế độ siêu âm để phân bố trường sóng âm theo nhu cầu trong bể siêu âm - Chức năng tự khởi động để bắt đầu làm sạch có kiểm soát nhiệt độ				
1	TB.1	Bể rửa dụng cụ	Cái	Nhiệt độ giới hạn có thể điều chỉnh từ 40-60°C (có thể chuyển sang °F) - Bộ điều khiển kỹ thuật số với bàn phím màng có thể làm sạch và màn hình để đọc để hiển thị tất cả các trạng thái hoạt động Cải đặt trước thời gian làm sạch: thời gian làm sạch có thể điều chỉnh từ 1 phút đến 6 giờ Điều khiển nhiệt độ điện tử có thể điều chỉnh theo các bước 5° C trong khoảng 25-80 ° C (có thể chuyển sang ° F; dung sai nhiệt độ -5 /+ 8 ° C) - Kích thước ngoài W/D/H (mm): 380/300 / 330 - Kích thước lồng bể W1/D1/H1 (mm): 300 /215 / 195 - Ống xả -- ID (mm): 12.0	1	91,800,000	91,800,000	

2	TB.2	Bộ bàn ghế phẫu thuật	Bộ	Yêu cầu chung: - Chất lượng mới 100%. Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương Yêu cầu kỹ thuật: - Kiểu điều chỉnh: chỉnh cơ - Nâng cao/ Hạ thấp toàn giường - Nâng đầu/ Hạ đầu - Điều chỉnh chân Kích thước: Phạm vi chiều cao tối thiểu/tối đa: ≥ 600 mm/ 900 mm Tổng chiều dài: ≥1800 mm Tổng chiều rộng: ≥480 mm Vật liệu: Inox không gỉ, nệm chống thấm Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	2	71,400,000	142,800,000	
---	------	--------------------------	----	--	---	------------	-------------	--

3	TB.3	Kính hiển vi phẫu thuật	Yêu cầu chung: Máy mới 100% sản xuất năm 2025 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO:13485 hoặc tương đương. Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Xuất xứ máy chính: G7 Yêu cầu về cấu hình: Kính hiển vi phẫu thuật kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ gồm: Thân kính chính: 01 bộ Bộ dịch chuyển X-Y: 01 bộ Bộ phóng đại hình ảnh: 01 bộ Ống ngắm 2 mắt, có thể xoay độ nghiêng: 01 bộ Thị kính 10X: 02 cái Vật kính: 01 cái Bàn đạp điều khiển các chức năng của kính: 01 chiếc Dây cáp nguồn: 01 dây Kính lọc: 01 bộ Khăn phủ máy: 01 cái Chân để đẩy sàn, có khoá hãm bánh xe: 01 cái. Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Chỉ tiêu kỹ thuật: - Có sẵn ống kính 2 mắt có thể nghiêng 90 độ phụ thuộc tư thế và vóc dáng của phẫu thuật viên, dải di chuyển: 0-90°. Có hệ thống khoá nùm giúp kính hiển vi có thể nghiêng qua lại dễ dàng. - Có thể kết hợp với các thiết bị quan sát đáy. - Zoom tỷ lệ 1:5 hoặc 1:6 - Thị kính 10X - Vật kính: tiêu cự F=200mm - Độ phóng đại tối đa: $\geq 20X$ - Khoảng điều chỉnh độ nét (focus): 30mm	1	815,000,000	815,000,000	
---	------	----------------------------	---	---	-------------	-------------	--

4	TB.4	Kính lúp phẫu thuật	Cái	Yêu cầu chung: - Chất lượng mới 100%. Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 Yêu cầu kỹ thuật: - Kính lúp 2 mắt: 01 chiếc - Hộp đựng: 01 chiếc - Khăn lau kính: 01 chiếc - Giá đội đầu: 01 chiếc - Khoảng cách làm việc: $\geq 340\text{mm}$ - Trường quan sát: $\geq 80\text{mm}$ - Độ phóng đại: $\geq 2.5\text{x}$ Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	38,725,000	38,725,000	
---	------	---------------------	-----	--	---	------------	------------	--

5	TB.5	Đèn phẫu thuật di động	Cái	Yêu cầu chung: - Chất lượng mới 100%. Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Nguồn điện phù hợp điện phù hợp tiêu chuẩn điện Việt Nam Yêu cầu kỹ thuật: - Máy chính: 01 máy - Sách hướng dẫn sử dụng: 01 quyển - Đường kính đầu đèn: $\geq 150\text{mm}$ - Cường độ sáng: $\geq 40.000\text{Lux}$ - Nhiệt độ màu: $5000 \pm 500\text{K}$ - Chỉ số hoàn hồi màu Ra: ≥ 90 - Bóng đèn: Bóng LED - Tuổi thọ bóng LED: ≥ 30.000 giờ - Số lượng bóng đèn: ≥ 5 bóng Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	12,775,000	12,775,000	
---	------	------------------------	-----	---	---	------------	------------	--

6	TB.6	Dao điện cao tần □	Cái	- Chất lượng mới 100%. Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau - Chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ : OECD Yêu cầu kỹ thuật: * Cấu hình 01 máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: - Công tắc chân đôi: 02 cái - Tay dao đơn cực dùng nhiều lần: 01 cái - Tay dao lưỡng cực dùng nhiều lần: 01 cái - Tấm tiếp mát dùng một lần: 01 bộ - Tấm tiếp mát dùng nhiều lần: 01 cái - Dây nối tiếp mát nối đất: 01 bộ - Cáp lưỡng cực: 01 bộ - Kẹp lưỡng cực: 01 bộ - Lưỡi dao: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ * Đặc tính kỹ thuật - Chức năng tần cắt đốt hỗn hợp, cầm máu tiếp xúc, cầm máu sâu, đơn cực, lưỡng cực... + Cắt thuần: $\geq 300\text{W}-300\Omega$ + Đốt cầm máu tiếp xúc: $\geq 100\text{W} / 300\Omega$ + Đốt cầm máu sâu: $\geq 100\text{W}-200\Omega$ + Cầm máu lưỡng cực: $\geq 100\text{W}-50\Omega$ Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành 12 tháng - Thiết bị phải được kiểm định đạt theo tiêu	1	199,500,000	199,500,000	
---	------	--------------------	-----	--	---	-------------	-------------	--

7	TB.7	Máy hút dịch	Cái	Yêu cầu chung: - Máy mới 100% sản xuất năm 2025 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO:13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Yêu cầu kỹ thuật: - Máy chính: 01 máy - Bình hút dịch $\geq 2.000\text{ml}$ có nắp và thiết bị chống tràn: 02 bình - Bộ ống hút bằng silicon: 03 bộ - Miếng lọc khuẩn: 02 cái - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng : 01 bộ - Motor: Bơm pittông không dầu - Áp lực chân không cao/Lưu lượng cao - Có thể điều chỉnh áp lực cực đại: $\geq 600\text{mmHg}$ - Lưu lượng hút tối đa: ≥ 40 lít/phút - Chu kỳ hoạt động: Hoạt động liên tục Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	29,400,000	29,400,000	
---	------	--------------	-----	--	---	------------	------------	--

8	TB.8	Monitor theo dõi người bệnh	Cái	-Yêu cầu chung: - Máy mới 100% sản xuất năm 2025 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO:13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Yêu cầu kỹ thuật: Theo dõi ≥ 5 thông số: ECG, nhịp thở, SpO2, NIBP, nhiệt độ Số vết: ≥ 6 dạng sóng Lưu trữ dữ liệu khuynh hướng dạng đồ thị: ≥ 48 giờ Số file loạn nhịp/sự kiện lưu được: ≥ 120 giờ hoặc ≥ 50 file Có đèn báo động, quan sát được từ xa Phát hiện loạn nhịp và đo mức ST. Có thể lưu trữ dữ liệu đầy đủ của bệnh nhân bao gồm dạng sóng và số: ≥ 48 giờ. Màn hình: LCD màu, cảm ứng hoặc tương đương Kích thước: ≥ 12 inch Độ phân giải: $\geq 800 \times 600$ điểm Có màu cài đặt hiển thị dạng sóng và số - Ấc quy: Thời gian hoạt động: ≥ 2 giờ Số kênh: ≥ 3 kênh Tốc độ in: ≥ 2 mức tối thiểu trong các mức 12,5; 25 và 50 mm/ giây - Thông số đo điện tim (ECG): Dải đo nhịp tim: ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút Độ chính xác: $\leq \pm 2$ nhịp/phút hoặc $\leq \pm 1\%$ - Tần số đáp ứng: Chế độ theo dõi: $\leq 0,5 - \geq 40$Hz Chế độ tối đa: $\leq 1 - \geq 18$Hz Chế độ chẩn đoán: $< 0.05 - > 150$Hz Độ nhạy: ≥ 4 mức	1	220,500,000	220,500,000	
---	------	-----------------------------	-----	---	---	-------------	-------------	--

9	TB.9	Bộ bàn ghế khám mắt	Bộ	Yêu cầu chung: Máy mới 100% sản xuất năm 2025 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO: 13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Yêu cầu cấu hình: - Mặt bàn chính: 1 cái - Bàn để thiết bị xoay trượt: 1 cái - Bảng điều khiển: 1 cái - Hộc đựng dụng cụ: 1 cái - Đèn khám: 1 cái - Tay gắn máy chiếu: 1 cái - Giá treo: 1 cái - Ghế gồm đệm ghế, đệm tựa lưng và đầu chung; tay ghế; bộ đỡ chân; bộ đỡ; bộ bảo vệ động cơ chỉnh cao, thấp: 1 bộ - Công tắc điều khiển bằng chân: 1 cái - Dây nguồn: 1 cái Yêu cầu kỹ thuật: - Kích thước tổng thể $\geq 960 \times 900 \times 1400$ mm - Kích thước mặt bàn $\geq 780 \times 400$ mm - Góc xoay bàn 90° - Tầm nâng/hạ ghế ≥ 160 mm Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	94,500,000	94,500,000	
---	------	---------------------	----	---	---	------------	------------	--

10	TB.10	Máy chiếu thử thị lực	Cái	Yêu cầu chung: - Máy mới 100% sản xuất năm 2025 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO:13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 chiếc - Chân đế: 01 chiếc - Điều khiển từ xa: 01 chiếc - Màn hứng: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Yêu cầu kỹ thuật: Số lượng bảng thử: ≥ 42 bảng Khoảng cách chiếu + Tối thiểu $\leq 2.5m$ + Tối đa $\geq 7m$ Tốc độ chuyển bảng thử ≤ 0.3 giây Góc nghiêng $\pm \geq 10$ độ Nguồn sáng: LED hoặc tương đương Độ phóng đại $\geq 30x$ tại khoảng cách 5m Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	50,000,000	50,000,000	
----	-------	-----------------------	-----	---	---	------------	------------	--

11	TB.11	Kính hiển vi khám bệnh	Cái	Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, mới 100% Yêu cầu cấu hình: - Máy sinh hiển vi và phụ kiện tiêu chuẩn, tối thiểu bao gồm: - Nguồn sáng LED đi kèm: 01 bộ - Tỳ cầm cho bệnh nhân: 01 chiếc - Thị kính quan sát: 01 bộ - Bàn nâng hạ: 01 chiếc - Giấy lót tỳ cầm: 01 hộp - Bao phủ bụi: 01 chiếc - Đèn định thị ngoài: 01 chiếc - Bộ camera: 01 bộ - Bộ máy tính và màn hình: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Yêu cầu kỹ thuật: 1.Thông số sinh hiển vi - Loại kính soi 2 mắt - Số mức phóng đại ≥ 5 mức - Thiết bị sử dụng nguồn sáng LED - Thị kính $\geq 12x$ - Khoảng bù Diop $\geq \pm 5D$ - Đường kính khẩu độ tối đa $\geq 14mm$ -Độ rộng khe tối đa $\geq 14mm$ - Độ dài khe tối đa $\geq 14mm$ - Điều chỉnh khoảng cách đồng tử từ 52mm đến 75mm hoặc rộng hơn 2.Thông số bộ camera - Độ phân giải $\geq 5MP$ - Kết nối tối thiểu phải có cổng USB hoặc tương đương	1	363,250,000	363,250,000	
----	-------	------------------------	-----	--	---	-------------	-------------	--

12	TB.12	Máy đo khúc xạ giác mạc tự động	Cái	Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, máy mới 100% - Nguồn điện phù hợp với tiêu chuẩn điện ở Việt Nam - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 Yêu cầu cấu hình: - Máy chính : 01 máy - Dây nguồn: 01 sợi - Bàn nâng hạ bằng motor điện: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và tiếng Anh: 01 bộ Yêu cầu đặc tính kỹ thuật: -Thiết bị có khả năng đo các thông số sau: + Đo khúc xạ + Đo độ cong giác mạc + Đo đường kính giác mạc và đồng tử - Chức năng đo khúc xạ: - Khoảng đo cầu từ - 25.00 đến +22.00 (VD=12.00mm) + Khoảng đo trụ từ 0.00 đến $\pm 10.00D$ + Trụ: 0 đến 180 độ + Đường kính đồng tử tối thiểu 2mm - Chức năng đo độ cong giác mạc: + Khoảng đo bán kính cong giác mạc từ 5.00 -10.00mm + Khoảng đo công suất giác mạc từ 33.75 đến 67.5D + Khoảng đo độ loạn thị giác mạc từ 0D đến $\pm 10D$ +Trục: 0 đến 180 độ + Khoảng đo khoảng cách đồng tử : 30-85mm - Chức năng đo đường kính giác mạc và đồng tử	1	195,000,000	195,000,000	
----	-------	---------------------------------	-----	---	---	-------------	-------------	--

13	TB.13	Máy đo nhãn áp để bàn	Cái	Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, máy mới 100% Nguồn điện phù hợp với tiêu chuẩn điện ở Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: G7 Yêu cầu cấu hình: - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm: 01 chiếc - Bàn nâng hạ bằng motor điện: 01 bộ - Bao phủ bụi: 01 cái - Giấy tỷ cầm: 01 tập - Cầu chì thay thế: 02 cái - Máy in nhiệt tích hợp trong máy - Tài liệu hướng dẫn sử dụng : 01 bộ Yêu cầu đặc tính kỹ thuật: - Loại thiết bị đo nhãn áp tự động không tiếp xúc - Có chức năng cảnh báo an toàn cho bệnh nhân khi đầu đo tiến quá gần đến mắt bệnh nhân - Khả năng đo tự động và đưa ra giá trị trung bình của các lần đo: Có - Thiết bị phải có tính năng cho phép hiệu chỉnh kết quả đo khi nhập độ dày giác mạc - Đèn định vị gắn trong - Khoảng cách làm việc: 11mm - Dải đo nhãn áp (IOP): 1-60mmHg - Đơn vị đo: mmHg/ hPa - Máy chính có thể di chuyển: + Lên - xuống: > 32mm + Trái - phải: >	1	284,000,000	284,000,000	
----	-------	-----------------------	-----	---	---	-------------	-------------	--

14	TB.14	Máy đo diop	Cái	Nguồn điện phù hợp tiêu chuẩn điện tại Việt Nam Yêu cầu chung: Yêu cầu cấu hình: Máy chính: 01 cái Màn hình LCD tích hợp: 01 cái. Thiết bị giữ kính: 01 cái. Máy in: 01 cái. Yêu cầu kỹ thuật: Màn hình màu kích thước ≥ 5.7 inch Điện áp đầu vào: 100 ~ 240V AC, 50/60Hz Công suất tiêu thụ: 40VA Phạm vi đo lường Dải đo: +Đo kính cầu: từ ≤ -25.00 D đến $\geq +25.00$ D, bước tăng giảm có tối thiểu 0.12 /0.25 D + Đo kính trụ: từ ≤ -10.00 D đến $\geq +10.00$ D, bước tăng giảm có tối thiểu 0.01 /0.12/0.25 D. + Đo trục: 0 đến 180°, mỗi bước tăng giảm 1 độ + Đo kính ADD: từ 0.00 D đến $\geq +10.00$ D, mỗi bước tăng giảm tối thiểu: 0.01 / 0.12 / 0.25 D + Đo lăng kính: từ 0 đến $\geq 10\Delta$ Yêu cầu khác: - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá - Bảo hành : 12 tháng	1	39,950,000	39,950,000	
----	-------	-------------	-----	--	---	------------	------------	--

15	TB.15	Bộ thử kính	Bộ	Yêu cầu chung: Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau Yêu cầu cấu hình - Hộp đựng: 01 cái - Bộ kính tiêu chuẩn: 01 bộ - Gọng thử kính: 01 cái - Mắt kính cầu âm: ≥ 35 đôi - Mắt kính cầu dương: ≥ 35 đôi - Mắt kính trụ âm: ≥ 17 đôi - Mắt kính trụ dương: ≥ 17 đôi - Kính phụ trợ: ≥ 12 chiếc - Loại hộp: Hộp gỗ Yêu cầu kỹ thuật: - Thử kính cận, loạn, viễn thị cho bệnh nhân - Mắt kính cầu âm: ≥ 23 đôi (từ -0.25D đến -20.00D) - Mắt kính cầu dương: ≥ 23 đôi (từ +0.25D đến +20.00D) - Mắt kính trụ âm: ≥ 17 đôi (từ -0.25D đến -6.00D) - Mắt kính trụ dương: ≥ 17 đôi (từ +0.25D đến +6.00D) - Phụ kiện 12 chiếc: kính có tối thiểu lọc xanh, đỏ (mỗi loại ≥ 1 chiếc)	1	34,995,000	34,995,000	
----	-------	-------------	----	--	---	------------	------------	--

16	TB.16	Bộ đo huyết áp điện tử	Bộ	Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, thiết bị mới 100% Xuất xứ: G7 Yêu cầu kỹ thuật: Máy đo huyết áp tự động. Màn hình số LCD. Kích thước: Vòng bít: 145 mm x 532 mm, chu vi vòng bít có thể áp dụng cho máy đo huyết áp: 22 cm - 42 cm. Bộ nhớ: Lưu trữ tới 100 kết quả đo mỗi người dùng. Nguồn điện: 4 pin "AA" 1,5 V hoặc bộ chuyển điện xoay chiều đầu vào 100 - 240 V. Dải đo huyết áp: 0 - 299 mmHg. Phương pháp đo: Phương pháp dao động. Dải đo nhịp tim: 40 - 180 nhịp/phút. Độ chính xác: Huyết áp : ± 3mmHg, Nhịp tim: $\pm 5\%$ kết quả đo trên màn hình. Yêu cầu khác: - Bảo hành 12 tháng - Thiết bị được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định của thông tư 07/2019/TT-BKHCN, Thông tư 05/2022/TT-BYT, Thông tư 59/2025/BYT	1	2,200,000	2,200,000	
17	TB.17	Nhiệt kế điện tử	Cái	Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, thiết bị mới 100%	1	2,000,000	2,000,000	

18	TB.18	Kính volk	Cái	Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, thiết bị mới 100% Ứng dụng cơ bản – quan sát toàn vống mạc với độ phân giải cao nhất Dòng kính thế hệ thứ 3 của kính 90D Vùng quan sát rộng hơn 40% so với kính 90D, là kính có vùng quan sát rộng nhất trong dòng kính soi không tiếp xúc Kính có thiết kế phi cầu kép kết hợp thủy tinh có chỉ số cao đảm bảo cho ảnh nổi có độ phân giải cao nhất ngay cả khi khám bệnh nhân có đồng tử nhỏ Độ phân giải cao, vùng quét vống mạc rộng, giảm chói và phản xạ ánh sáng Góc quan sát: 103 độ / 124 độ Độ phóng đại ảnh: 0,72X Kích cỡ Laser spot: 1,39X Khoảng cách làm việc: 4 – 5mm Màu sắc: Xanh dương, Xanh lục, vàng, tím, đỏ, đen, bạc Yêu cầu khác: Bảo hành 12 tháng ☐	1	25,000,000	25,000,000	
		Tổng				2,641,395,000		
		Tổng cộng				3,030,924,600		